

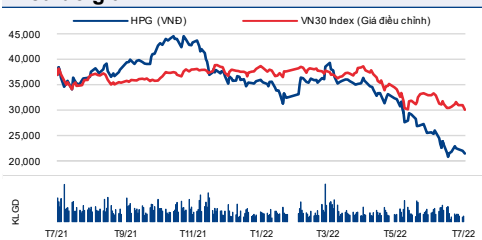
Mua vào

Giá mục tiêu: VND44,846
Tiềm năng tăng/giảm: 109.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/7/2022)	21,450
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,800-44,615
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,783
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	124,727
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,335
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,815
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,192
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,220
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.7%
Tỷ lệ freefloat	57.6%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	149,680	168,810	182,171
EBITDA đc (tỷ đồng)	43,741	41,267	45,382
LNTT (tỷ đồng)	37,057	33,386	35,877
LNT ĐC (tỷ đồng)	32,754	29,302	31,318
FCF (tỷ đồng)	15,099	(6,961)	27,371
EPS ĐC (đồng)	5,633	5,039	5,386
DPS (đồng)	385	385	385
BVPS (đồng)	15,585	20,240	25,242
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	99.7	(5.66)	9.97
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	89.9	(10.5)	6.88
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	24.4	24.9
Tỷ suất LNTT (%)	24.8	19.8	19.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	23.0	18.3	18.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	6.49	7.25	6.78
Nợ thuần/VCSH (%)	39.2	38.6	23.0
ROAE (%)	46.1	29.6	24.9
ROACE (%)	40.9	29.0	25.0
EV/doanh thu (lần)	0.94	0.93	0.77
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.23	3.82	3.07
P/E ĐC (lần)	3.81	4.26	3.98
P/B (lần)	1.38	1.06	0.85
Lợi suất cổ tức (%)	1.79	1.79	1.79

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng vẫn cao dù giá bán giảm

- Sản lượng tiêu thụ tăng 14,4% đạt 651.000 tấn nhờ sản lượng tiêu thụ thép xây dựng (được thúc đẩy nhờ thị trường xuất khẩu và mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái) và ống thép tăng trưởng mạnh.
- Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ HRC giảm 11,9% do nhu cầu tôn thấp trong tháng 6/2022. Sản lượng tiêu thụ tôn giảm 26,6%.
- HSC ước tính lợi nhuận thuần Q2/2022 sẽ giảm 37% xuống 6.111 tỷ đồng do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp sau khi giá bán thép xây dựng giảm nhanh.
- HPG hiện đang giao dịch với P/E dự phóng là 4 lần, so với mức bình quân trong quá khứ là 8,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 6/2022

Chiều ngày 7/7/2022, HPG đã công bố sản lượng tiêu thụ tháng 6/2022 đáng khích lệ và sát với dự báo của HSC. Kết quả này là nhờ sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng mạnh so với cùng kỳ. Theo đó, tổng sản lượng tiêu thụ trong tháng 6/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 651.000 tấn (tăng 14,4% so với cùng kỳ) và 4,54 triệu tấn (tăng 5,6% so với cùng kỳ).

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng được thúc đẩy nhờ nhu cầu xuất khẩu cao

HPG tiêu thụ 348.000 tấn thép xây dựng trong tháng 6/2022, tăng 51,1% so với cùng kỳ từ mức nền thấp tháng 6 năm ngoái do các biện pháp phong tỏa. Tăng trưởng được thúc đẩy chủ yếu nhờ:

- Sản lượng xuất khẩu tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 148.520 tấn. Một vài thị trường xuất khẩu mới bao gồm Singapore, Hong Kong trong khi các thị trường truyền thống vẫn ổn định như, Canada, Nhật Bản, Cambodia và Thái Lan.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng 27,8% so với cùng kỳ đạt 199.480 tấn. Trong đó, sản lượng tiêu thụ tại miền Nam tăng 60% so với cùng kỳ.
- So với tháng trước, sản lượng tiêu thụ giảm khoảng 9,7%. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng theo chúng tôi vẫn tốt trong bối cảnh giá bán và nhu cầu thép trên toàn cầu biến động mạnh.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành ngày 7/7.

(Xem tiếp trong 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ tháng 6, quý 2 và nửa đầu năm 2022, HPG

Sản lượng tiêu thụ tháng 6 tăng trong bối cảnh thị trường thép toàn cầu đang biến động

(tấn)	T6/2022	% y/y	Q2/2022	% y/y	6T/2022	% y/y
Sản phẩm thượng nguồn	560,000	14.0%	1,808,975	-2.5%	3,980,716	5.8%
Thép xây dựng	348,000	51.1%	1,031,223	4.9%	2,371,525	29.0%
Phôi thép	10,000	-68.3%	115,758	-43.7%	183,618	-69.0%
HRC	202,000	-11.9%	661,994	-0.8%	1,425,573	7.0%
Sản phẩm hạ nguồn	439,000	42.4%	1,264,024	0.3%	2,927,844	23.4%
Thép thanh/Thép cuộn/thép dự ứng lực	348,000	51.1%	1,031,223	4.9%	2,371,525	29.0%
Thép ống	64,000	55.4%	158,639	-17.0%	376,454	0.3%
Tôn	27,000	-26.6%	74,162	-14.0%	179,865	12.4%
Tổng Sản lượng tiêu thụ (*)	651,000	14.4%	2,041,776	-4.3%	4,537,035	5.6%

(*) Tổng Sản lượng tiêu thụ = Sản phẩm thượng nguồn + Tôn mạ + Thép ống
Nguồn: HPG, HSC

Lưu ý, trong tháng 6/2022, HPG hạ 2,9% giá bán thép xây dựng xuống lần lượt 16.850đ/kg và 16.940đ/kg đối với sản phẩm thép cuộn và thép thanh.

Nhu cầu trong 2 tuần đầu tháng 6/2022 vẫn yếu vì giá bán đã điều chỉnh giảm 3 lần liên tiếp. Tuy nhiên, khi giá thép xây dựng vẫn được duy trì ổn định từ ngày 18/6 đến cuối tháng 6/2022, sản lượng tiêu thụ trong phần còn lại của tháng 6 đã có những cải thiện.

Theo đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong Q2/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 1.031.223 tấn (tăng 4,9% so với cùng kỳ) và 2.371.525 tấn (tăng 29% so với cùng kỳ).

Đối với phôi thép, HPG chỉ tiêu thụ 10.000 tấn phôi thép trong tháng 6/2022 (giảm 68,3% so với cùng kỳ) do nhu cầu thấp trên thị trường xuất khẩu. Thông thường, phôi thép chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc nhưng Trung Quốc vẫn đang áp dụng các biện pháp phong tỏa trong kỳ gây tác động tiêu cực tới nhu cầu. Lũy kế, sản lượng tiêu thụ phôi thép trong Q2/2022 và nửa đầu năm 2022 lần lượt là 115.758 tấn (giảm 43,7% so với cùng kỳ) và 183.618 tấn (giảm 69% so với cùng kỳ).

Sản lượng tiêu thụ HRC thấp do nhu cầu tôn giảm

Trong tháng 6/2022, sản lượng tiêu thụ HRC tiếp tục giảm xuống 202.000 tấn (giảm 11,9% so với cùng kỳ), mức thấp nhất kể từ tháng 9/2021. Lưu ý, HRC là nguyên liệu đầu vào chính đối với tôn và ống thép. Nhu cầu tôn/ống thép (nhu cầu nội bộ HPG và bên ngoài) sụt giảm sẽ tác động tiêu cực tới sản lượng tiêu thụ HRC. Theo đó, sản lượng tiêu thụ HRC trong Q2/2022 và nửa đầu năm 2022 lần lượt là 661.994 tấn (giảm 0,8% so với cùng kỳ) và 1.426.573 tấn (tăng 7% so với cùng kỳ).

HRC chủ yếu tiêu thụ trong nước với hợp đồng kỳ hạn 2 tháng. Do đó, giá HRC ghi nhận trong báo cáo KQKD Q2/2022 ước tính đạt 850 USD/tấn (tăng 9,4% so với cùng kỳ). Do đó, tỷ suất lợi nhuận của HRC vẫn sẽ tốt trong Q2/2022 trước khi sụt giảm trong Q3/2022.

Giá HRC (phản ánh trong KQKD Q3/2022) giảm mạnh xuống 743 USD/tấn (và 670 USD/tấn hiện tại) so với mức giá cao trong đơn hàng giao tháng 6/2022 là 925 USD/tấn. Điều này sẽ khiến tỷ suất lợi nhuận trong Q3/2022 sụt giảm.

Ống thép có kết quả tốt trong khi tôn thép gặp khó khăn

Trong tháng 6/2022, HPG tiêu thụ 62.000 tấn ống thép (tăng 55,4% so với cùng kỳ) trong khi sản lượng tiêu thụ tôn giảm 26,6% so với cùng kỳ xuống 27.000 tấn. Sản lượng tiêu thụ tôn sụt giảm chủ yếu do nhu cầu xuất khẩu thấp khi thị trường toàn cầu lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế. Trong khi đó, ống thép chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường trong nước.

Lũy kế, sản lượng tiêu thụ ống thép trong Q2/2022 và nửa đầu năm 2022 lần lượt là 158.639 tấn (giảm 17% so với cùng kỳ) và 376.454 tấn (tăng 0,3% so với cùng kỳ). Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ tôn trong Q2/2022 và nửa đầu năm 2022 lần lượt là 74.162 tấn (giảm 14% so với cùng kỳ) và 179.865 tấn (tăng 12,4% so với cùng kỳ).

KQKD sơ bộ Q2/2022

Sản lượng tiêu thụ Q2/2022 vẫn khả quan và sát với dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, giá thép xây dựng sụt giảm đã tạo áp lực lên tỷ suất lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận của HRC trong Q2/2022 vẫn ổn định nhờ giá bán cao trong hợp đồng ký vào tháng 3/2022 trong khi tỷ suất lợi nhuận của thép xây dựng sụt giảm do giá bán bình quân giảm 10% từ tháng 4 đến tháng 6.

Dựa trên số liệu hiện tại, HSC dự báo lợi nhuận thuần Q2/2022 sẽ là 6.111 tỷ đồng (giảm 37% so với cùng kỳ), tương đương lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2022 đạt 14.329 tỷ đồng (giảm 14,2% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, lợi nhuận Q2/2022 ước tính của chúng tôi sẽ còn nhiều biến động do BLĐ có thể sẽ hạch toán chi phí dự phòng hàng tồn kho trong Q2/2022 trong bối cảnh giá than cốc, quặng sắt và sắt phế liệu sụt giảm mạnh.

Với những ước tính này, HPG có thể chỉ đạt 46,5% dự báo lợi nhuận thuần năm 2022 của HSC.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào; giá mục tiêu và dự báo đang được chúng tôi xem xét

Để phản ánh sự sụt giảm vừa qua của giá HRC (đối với lô hàng giao trong Q3/2022) và giá bán thép xây dựng tiếp tục điều chỉnh giảm (giảm bình quân 1,2%), HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận giai đoạn 2022-2024.

Chúng tôi hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2022 đạt 30.844 tỷ đồng (giảm 10,5% so với cùng kỳ). HPG đang giao dịch với P/E dự phóng và P/E trượt dự phóng 1 năm lần lượt là 4,3 lần và 4,1 lần, thấp hơn so với mức bình quân trong quá khứ là 8,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	90,119	149,680	168,810	182,171	211,177
Lợi nhuận gộp	18,904	41,108	37,864	40,658	44,622
Chi phí BH&QL	(1,781)	(3,444)	(3,629)	(4,062)	(4,709)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	17,123	37,664	34,235	36,596	39,913
Lãi vay thuần	(1,833)	(660)	(933)	(810)	(256)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	1.96	4.47	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	64.7	48.3	84.4	91.1	106
LNTT	15,357	37,057	33,386	35,877	39,762
Chi phí thuế TNDN	(1,851)	(2,536)	(2,504)	(2,870)	(3,976)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(55.9)	(42.8)	(38.3)	(40.9)	(44.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	13,450	34,478	30,844	32,966	35,741
Lợi nhuận thuần ĐC	12,778	32,754	29,302	31,318	33,954
EBITDA ĐC	21,899	43,741	41,267	45,382	51,330
EPS (đồng)	3,123	5,929	5,304	5,669	6,147
EPS ĐC (đồng)	2,967	5,633	5,039	5,386	5,839
DPS (đồng)	385	385	385	385	385
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,307	5,815	5,815	5,815	5,815
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,307	5,815	5,815	5,815	5,815
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,307	5,815	5,815	5,815	5,815

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	13,696	22,471	16,183	29,014	49,922
Đầu tư ngắn hạn	8,127	18,236	11,817	18,217	21,118
Phải thu khách hàng	6,125	7,663	9,285	10,019	11,615
Hàng tồn kho	26,287	42,134	48,111	51,919	60,185
Các tài sản ngắn hạn khác	2,513	3,650	4,220	4,554	5,279
Tổng tài sản ngắn hạn	56,747	94,155	89,615	113,724	148,119
TSCĐ hữu hình	71,555	78,443	114,482	122,024	128,979
TSCĐ vô hình	254	537	590	649	714
Bất động sản đầu tư	564	548	533	517	498
Đầu tư dài hạn	170	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0.70	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2,220	4,553	6,179	6,662	7,715
Tổng tài sản dài hạn	74,764	84,082	121,785	129,852	137,907
Tổng cộng tài sản	131,511	178,236	211,400	243,576	286,026
Nợ ngắn hạn	36,798	43,748	47,267	47,364	50,682
Phả trả người bán	10,916	23,729	25,322	25,504	27,453
Nợ ngắn hạn khác	2,455	4,399	5,646	7,313	10,223
Tổng nợ ngắn hạn	51,975	73,459	80,021	82,109	90,393
Nợ dài hạn	17,343	13,465	13,423	14,382	16,779
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.67	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,947	482	69.3	76.3	83.9
Tổng nợ dài hạn	20,290	13,947	13,493	14,458	16,863
Tổng nợ phải trả	72,292	87,456	93,514	96,568	107,256
Vốn chủ sở hữu	59,071	90,626	117,693	146,774	178,492
Lợi ích cổ đông thiểu số	149	155	193	234	278
Tổng vốn chủ sở hữu	59,220	90,781	117,886	147,008	178,770
Tổng nợ phải trả và VCSH	131,511	178,236	211,400	243,576	286,026
BVPS (đ)	13,714	15,585	20,240	25,242	30,696
Nợ thuần*/(tiền mặt)	40,446	34,741	44,507	32,732	17,540

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	17,123	37,664	34,235	36,596	39,913
Khấu hao	(4,776)	(6,077)	(7,032)	(8,787)	(11,418)
Lãi vay thuần	(1,833)	(660)	(933)	(810)	(256)
Thuế TNDN đã nộp	(1,717)	(2,743)	(2,504)	(2,870)	(3,976)
Thay đổi vốn lưu động	(8,628)	(14,745)	(2,879)	934	(3,403)
Khác	(2,158)	(2,057)	(2,053)	(1,789)	(1,585)
LCT thuần từ HĐKD	11,587	26,721	36,149	43,742	44,288
Đầu tư TS dài hạn	(11,916)	(11,621)	(43,110)	(16,371)	(18,420)
Góp vốn & đầu tư	(11,618)	(40,008)	6,257	(6,414)	(2,930)
Thanh lý	5,038	31,960	41.9	45.6	43.7
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(18,495)	(19,669)	(36,811)	(22,740)	(21,305)
Cổ tức trả cho CSH	(1,419)	(1,693)	(2,236)	(2,236)	(2,236)
Thu từ phát hành CP	2.70	10.6	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,470	3,423	(3,390)	(5,935)	161
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	16,054	1,740	(5,627)	(8,171)	(2,075)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	4,545	13,696	22,471	16,183	29,014
LCT thuần trong kỳ	9,146	8,792	(6,288)	12,831	20,908
Ảnh hưởng của tỷ giá	5.65	(16.3)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	13,696	22,471	16,183	29,014	49,922
Dòng tiền tự do	(328)	15,099	(6,961)	27,371	25,869

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	21.0	27.5	22.4	22.3	21.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	24.3	29.2	24.4	24.9	24.3
Tỷ suất LNT (%)	14.9	23.0	18.3	18.1	16.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.1	6.84	7.50	8.00	10.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	41.6	66.1	12.8	7.91	15.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	77.5	99.7	(5.66)	9.97	13.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	79.2	156	(10.5)	6.88	8.42
Tăng trưởng EPS (%)	49.3	89.9	(10.5)	6.88	8.42
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	49.3	89.9	(10.5)	6.88	8.42
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	12.3	6.49	7.25	6.78	6.26
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	25.2	46.1	29.6	24.9	22.0
ROACE (%)	22.2	40.9	29.0	25.0	22.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.77	0.97	0.87	0.80	0.80
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.68	0.71	1.06	1.20	1.11
Số ngày tồn kho	135	142	134	134	132
Số ngày phải thu	31.4	25.8	25.9	25.8	25.5
Số ngày phải trả	55.9	79.8	70.6	65.8	60.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.6	39.2	38.6	23.0	10.4
Nợ/tài sản (%)	42.1	32.5	29.1	25.7	24.0
EBIT/lãi vay (lần)	9.34	57.1	36.7	45.2	156
Nợ/EBITDA (lần)	2.53	1.33	1.49	1.38	1.34
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.09	1.28	1.12	1.39	1.64
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.39	0.94	0.93	0.77	0.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.70	3.23	3.82	3.07	2.37
P/E (lần)	6.87	3.62	4.04	3.78	3.49
P/E ĐC (lần)	7.23	3.81	4.26	3.98	3.67
P/B (lần)	1.56	1.38	1.06	0.85	0.70
Lợi suất cổ tức (%)	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn